

**CÔNG TY TNHH HAN - HAO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HAN - HAO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAN - HAO COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HAN - HAO CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400969794

**3. Ngày thành lập:** 02/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Chiền, Xã Nội Hoàng, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0973883302

Fax:

Email: Congtyhanhao@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn rượu;<br>(Theo điều 12 nghị định số 105/2017/NĐ-CP năm 2017 được sửa đổi bởi Điều 16 nghị định số 17/2020/NĐ-CP năm 2020)<br>- Bán buôn bia.<br>- Bán buôn đồ uống không có cồn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn va li, túi, cặp, túi, ví, thắt lưng, hàng du lịch... bằng da, giả da;<br>- Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm;<br>- Bán buôn hàng mỹ phẩm: Son, phấn, kem dưỡng da, trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...;<br>- Chế phẩm vệ sinh: Xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh...<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn, bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế, đồ dùng nội thất;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao. | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8230 |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa<br>(Theo Điều 28 Luật thương mại 2005)                                                                                                                                                                                                                                                        | 8299 |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310 |
| 10. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 11. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ lương thực, thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                   | 4711 |
| 12. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4719 |
| 13. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4721 |
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4722 |
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ rượu;<br>(Theo điều 13 nghị định số 105/2017/NĐ-CP năm 2017 được sửa đổi bởi Điều 16 nghị định số 17/2020/NĐ-CP năm 2020)<br>- Bán lẻ bia<br>- Bán lẻ đồ không chứa cồn: đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có và không có gas: Côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả ...;<br>- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết đóng chai. | 4723 |
| 16. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1010 |
| 17. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1020 |
| 18. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1030 |
| 19. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1040 |
| 20. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1050 |
| 21. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1061 |
| 22. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1071 |
| 23. | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1072 |
| 24. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1073 |
| 25. | Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất mì ống, mì sợi<br>- Sản xuất bột mì<br>- Sản xuất mì đông lạnh, mì đóng gói;                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1074 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 26. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt<br>- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản<br>- Sản xuất món ăn từ rau;<br>- Sản xuất bánh pizza dạng đông lạnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1075        |
| 27. | Sản xuất chè                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1076        |
| 28. | Sản xuất cà phê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1077        |
| 29. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất súp và nước xuyết;<br>- Sản xuất thực phẩm đặc biệt: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn;<br>- Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt: sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt;<br>- Sản xuất dấm;<br>- Sản xuất mật ong nhân tạo, kẹo;<br>- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng: Bánh sandwich, bánh pizza tươi.<br>- Sản xuất trà dược thảo<br>- Sản xuất men bia;<br>- Sản xuất nước cốt, nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm;<br>- Sản xuất sữa tách bơ, bơ;<br>- Sản xuất sản phẩm trứng, albumin trứng;<br>- Sản xuất muối thanh từ muối mua, muối trộn i ốt;<br>- Sản xuất sản phẩm cô đặc nhân tạo;<br>- Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; | 1079        |
| 30. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1104        |
| 31. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet<br>- Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại<br>(Trừ Đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4791        |
| 32. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...;<br>- Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).<br>(Trừ Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ))                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4799        |
| 33. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5610(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu: tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới...                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5621 |
| 35. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, cung cấp suất ăn cho xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...;<br>- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại cuộc thi đấu thể thao;<br>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền;<br>- Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho nhà máy, xí nghiệp.                                                                                                              | 5629 |
| 36. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Quán cà phê, giải khát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5630 |
| 37. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7911 |
| 38. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7912 |
| 39. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao;<br>- Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng;<br>- Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và sự kiện vui chơi, giải trí;<br>- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch;<br>- Hoạt động xúc tiến du lịch. | 7990 |
| 40. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng may mặc;<br>- Bán lẻ hàng lông thú;<br>- Bán lẻ phụ kiện hàng may mặc: găng tay, khăn, bít tất, cà vạt, dây đeo quần...;<br>- Bán lẻ giày, dép;<br>- Bán lẻ đồ da, giả da;<br>- Bán lẻ hàng du lịch bằng da, giả da.<br>- Bán lẻ cặp học sinh, cặp đựng tài liệu, túi xách các loại, ví... bằng da, giả da hoặc chất liệu khác.                                                                                   | 4771 |

